

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VÂN HỒ  
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2021/DS-ST.

Ngày: 20/9/2021.

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài  
sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÂN HỒ, TỈNH SƠN LA

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Hồng Nghiêm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Mùi Văn Huân.
2. Ông Tráng A Lừ.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Phương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hương Mạnh- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2021/TLST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 08 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị Đ, sinh năm 1978; Địa chỉ: Bản U, xã M, huyện V, tỉnh Sơn La. Có mặt

- *Bị đơn:* Bà Lương Thị Th, sinh năm 1971; Địa chỉ: Bản Ch, xã M, huyện V, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Hà Văn T, sinh năm 1967; Địa chỉ: Bản Ch, xã M, huyện V, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đỗ Thị Đ trình bày:

Ngày 01/01/2020, bà Đỗ Thị Đ có cho bà Lương Thị Th vay số tiền là 386.600.000 đồng lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng, thời hạn trả là ngày 31/12/2020. Tính đến ngày xét xử bà Lương Thị Th, mới thanh toán cho bà Đỗ

Thị Đ số tiền lãi xuất đến hết ngày 31/12/2020 là 97.000.000 đồng. Bà Lương Thị Th và ông Hà Văn T là vợ chồng, việc bà Thúy vay tiền của bà Yến để làm nhà và sinh hoạt phí trong gia đình. Do đó bà Yến yêu cầu bà Lương Thị Th và ông Hà Văn T cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà toàn bộ số tiền gốc là 386.600.000 đồng (*Ba trăm tám mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng*). Bà Yến yêu cầu bà Lương Thị Th và ông Hà Văn T còn phải trả tiền lãi chậm trả từ 01/01/2021 đến nay là  $386.600.000 \text{ đồng} \times 2,5\% \times 8 \text{ tháng} \times 20 \text{ ngày} = 83.763.000.000 \text{ đồng}$ . Tổng cộng cả gốc và lãi là  $386.600.000 + 83.763.000 = 470.363.000 \text{ đồng}$ .

Bị đơn bà Lương Thị Th trình bày:

Ngày 01/01/2020 bà Thúy có vay của bà Đỗ Thị Đ số tiền 386.600.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 2%/tháng, thời hạn vay là 01 năm. Mục đích vay tiền của bà Thúy là để làm nhà và phục vụ cuộc sống của gia đình. Sau khi vay tiền, bà Thúy đã trả lãi cho bà Yến được 12 tháng (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020) là 97.000.000 đồng. Nay vì điều kiện kinh tế khó khăn bà chưa có khả năng thanh toán cho bà Yến khoản vay trên, vợ chồng bà nhận có trách nhiệm thanh toán dần toàn bộ cả gốc và lãi như đã thỏa thuận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Văn T trình bày: Ông và bà Lương Thị Th là vợ chồng. Việc bà Thúy vay số tiền 386.600.000 đồng của bà Đỗ Thị Đ là làm nhà và phục vụ cho cuộc sống gia đình. Ông Tuấn nhất trí theo lời trình bày của bà Thúy. Ông Tuấn đồng ý cùng bà Thúy trả cho bà Yến số tiền vốn còn nợ là 386.600.000 đồng, yêu cầu được trả dần.

Tại phiên tòa nguyên đơn: Bà Yến yêu cầu Lương Thị Th và ông Hà Văn T có nghĩa vụ liên đới trả ngay số tiền gốc là 386.600.000 và tiền lãi chậm trả từ 01/01/2021 đến nay là  $386.600.000 \text{ đồng} \times 2,5\% \times 8 \text{ tháng} \times 20 \text{ ngày} = 83.763.000.000 \text{ đồng}$ . Tổng cộng cả gốc và lãi là  $386.600.000 + 83.763.000 = 470.363.000 \text{ đồng}$ .

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, bị đơn, tham gia tố tụng tuân theo và chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Hà Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vắng mặt anh Lâm theo quy định tại khoản 1 Điều 228 bộ luật Tố tụng dân sự là đúng quy định.

Đề nghị áp dụng: Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của UBTW Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Bà Lương Thị Th và ông Hà Văn T là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện Kinh tế - Xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin được miễn án

phí, đề nghị HĐXX xem xét miễn án phí cho bà Lương Thị Th và ông Hà Văn T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Đỗ Thị Đ khởi kiện yêu cầu bà Lương Thị Th và ông Hà Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà tiền vay với số tiền 386.600.000 đồng, và lãi phát sinh là tranh chấp về “Hợp đồng vay tài sản” và bà Lương Thị Th là bị đơn có nơi cư trú tại: Bản Chiềng Ban, xã Mường Tè, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La nên Tòa án nhân dân huyện Vân Hồ thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Hà Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vắng mặt ông Tuấn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Đ yêu cầu bà Lương Thị Th và ông Hà Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà toàn bộ số tiền gốc là 386.600.000 đồng (*Ba trăm tám mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng*). Và tiền lãi chậm trả từ 01/01/2021 đến nay là  $386.600.000 \text{ đồng} \times 2,5\% \times 8 \text{ tháng} = 83.763.000.000 \text{ đồng}$ . Tổng cộng cả gốc và lãi là  $386.600.000 + 83.763.000 = 470.363.000 \text{ đồng}$ . Hội đồng xét xử nhận thấy: Các đương sự đều thống nhất xác định ngày 01/01/2020 bà Thúy có vay của bà Đỗ Thị Đ số tiền 386.600.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 2%/tháng, thời hạn vay là 01 năm. Sau khi vay tiền, bà Thúy đã trả lãi cho bà Yến được 12 tháng (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020) là 97.000.000 đồng. Mục đích vay tiền của bà Thúy là để làm nhà và phục vụ cuộc sống của gia đình. Việc vay tiền trên cơ sở tự nguyện và có làm giấy vay nợ. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, có đủ căn cứ xác định bà Đỗ Thị Đ và bà Lương Thị Th có giao kết hợp đồng vay tài sản. Việc xác lập hợp đồng giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015, nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, đã phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo Hợp đồng đã giao kết.

Giao dịch giữa bà Thúy và bà Yến phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa Lương Thị Th và ông Hà Văn T, ông Tuấn và bà Thúy đều xác định việc bà Thúy vay tiền của bà Yến là để làm nhà và phục vụ cuộc sống của gia đình. Ông Tuấn cũng nhất trí cùng bà Thúy trả nợ cho bà Yến nên yêu cầu của bà Đỗ Thị Đ. Buộc bà Lương Thị Th và ông Hà Văn T có nghĩa vụ liên đới trả lại cho bà Yến số tiền cả gốc và lãi quá hạn là  $386.600.000 + 83.763.000 = 470.363.000 \text{ đồng}$  là phù hợp Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có cơ sở chấp nhận. Đối với số tiền 97.000.000 đồng, bà Thúy đã trả cho bà Yến, các đương sự thỏa thuận, thống nhất là tiền lãi của khoản lãi 12 tháng (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2021), không đề nghị Tòa án xem xét. Do vậy không đề cập đến vấn đề

giải quyết.

Đối với yêu cầu của bà Lường Thị Th và ông Hà Văn T xin được trả dần số tiền 386.600.000 đồng cho bà Đỗ Thị Đ. Hội đồng xét xử xét thấy, bà Lường Thị Th và ông Hà Văn T thiếu nợ đã lâu, nay lại kéo dài thời gian trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Đỗ Thị Đ, mặt khác, nguyên đơn bà Đỗ Thị Đ không đồng ý đối với yêu cầu này của bà Thúy và ông Tuấn nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận.

Về lãi suất: Hợp đồng vay giữa bà Thúy và bà Yên thời hạn vay là 01 năm kể từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020. Kể từ ngày 01/01/2021 bà Đỗ Thị Đ yêu cầu bà Lường Thị Th và ông Hà Văn T phải chịu lãi suất quá hạn là 2,5%/tháng, đối với khoản tiền vay 386.600.000 đồng, kể từ ngày 01/01/2021 cho đến ngày xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468 của bộ luật dân sự năm 2015.

Từ những phân tích trên, việc bà Đỗ Thị Đ yêu cầu bà Lường Thị Th và ông Hà Văn T có nghĩa vụ liên đới trả lại cho bà Đỗ Thị Đ số tiền 386.600.000 đồng và tiền lãi chậm trả từ 01/01/2021 đến nay là  $386.600.000 \text{ đồng} \times 2,5\% \times 8 \text{ tháng} = 83.763.000 \text{ đồng}$ . Tổng cộng cả gốc và lãi là 470.363.000 đồng là có sở sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên bà Lường Thị Th và ông Hà Văn T phải chịu tiền án phí sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho bà Đỗ Thị Đ. Bà Lường Thị Th và ông Hà Văn T là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện Kinh tế - Xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin được miễn án phí. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của UBTV Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí cho bà Lường Thị Th và ông Hà Văn T.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 khoản 1 Điều 228 bộ luật Tố tụng dân sự Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của UBTV Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Đ.

Buộc bà Lường Thị Th và ông Hà Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đỗ Thị Đ số tiền 386.600.000 đồng và tiền lãi chậm trả từ 01/01/2021 đến nay là  $386.600.000 \text{ đồng} \times 2,5\% \times 8 \text{ tháng} = 83.763.000 \text{ đồng}$ . Tổng cộng cả gốc và lãi là  $386.600.000 + 83.763.000 = 470.363.000 \text{ đồng}$

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí cho bà Lương Thị Th và ông Hà Văn T.

Bà Đỗ Thị Đ được hoàn lại số tiền 9.665.000 đồng (Chín triệu, sáu trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, theo Biên lai thu số 0003362 ngày 04/8/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án ND tỉnh;
- VKSND huyện (02 bản);
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM  
PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**Vũ Hồng Nghiêm**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Hồng Nghiêm**



*Nơi nhận:*

- VKSND huyện;
- Chi cục T.H.A DS;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA+VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Hồng Nghiêm



